

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BXD-TTCNTT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

V/v triển khai các thủ tục hành chính trên
Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành
chính tập trung của Bộ Xây dựng

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG	
ĐẾN	Số: 7274 Ngày: 09/07/2026
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	
ĐƠN VỊ	
CT Đ.T.Trung	
PCT TT L.A.Quân	
PCT V.T.Phụng	
PCT L.T.Kiên	
PCT N.M.Hùng	
PCT T.V.Quân	
PCT H.M.Cường	
Q.CVP N.H.Long	
PCVP T.V.Thiên	
PCVP N.T.Hùng	
PCVP P.A.Tuấn	
PCVP P.H.Hoàng	
PCVP T.N.Hùng	
P. NV&KT,GS	
P. NC	
P. NN&MT	
P. TC	
P. TH	
P. VX	
P. XD&CT	
Ban TCDTP	
P. HC-QT	
TTPVHCCTP	
TTHN&NKTP	
Cổng TTĐTTP	

Thực hiện nhiệm vụ tại Văn bản số 5686/VPCP-CDS ngày 17/6/2026 của Văn phòng Chính phủ; trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ¹, Bộ Xây dựng đã rà soát và thông báo danh sách thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ được triển khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung, như sau:

1. Danh sách thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ theo Bộ Tiêu chí đánh giá của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Phụ lục I kèm theo.

2. Đối với các thủ tục hành chính đã được triển khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung, Bộ Xây dựng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chỉ đạo các đơn vị liên quan tại địa phương không thực hiện tiếp nhận, xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của địa phương, trừ trường hợp có sự cố nghiêm trọng, thực hiện theo phương án tại Phụ lục II kèm theo.

Gửi kèm: Kết quả đánh giá theo Bộ tiêu chí của Bộ Khoa học và Công nghệ

Bộ Xây dựng gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố để phối hợp triển khai/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công an, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ;
- Văn phòng Bộ;
- Lưu: VT, TTCNTT(Hào).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Sang

¹ Bộ tiêu chí đánh giá mức độ sẵn sàng của thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung cấp bộ theo Văn bản số 4766/BKHCN-CDS ngày 01/7/2026.

Phụ lục I

**DANH SÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CUNG CẤP TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẬP TRUNG BỘ XÂY DỰNG**

(Kèm theo Văn bản số /BXD-TTCNTT ngày tháng năm 2026 của Bộ Xây dựng)

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
1	1.013468	Chấm dứt hoạt động tàu lặn	Cấp Tỉnh	Toàn trình
2	1.013466	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn	Cấp Tỉnh	Toàn trình
3	1.013467	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động	Cấp Tỉnh	Toàn trình
4	2.002625	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ	Cấp Tỉnh	Toàn trình
5	2.002624	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương	Cấp Tỉnh	Toàn trình
6	2.002617	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
7	2.002616	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
8	2.002615	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
9	1.009463	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
10	1.009460	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
11	1.009457	Công bố cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài tại cảng thủy nội địa đã được công bố hoạt động	Cấp Bộ	Toàn trình
12	1.009456	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
13	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Cấp Xã	Toàn trình
14	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Cấp Xã	Một phần
15	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
16	1.009464	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
17	1.009462	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
18	1.009461	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
19	1.009459	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
20	1.009458	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
21	1.009453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Cấp Xã	Toàn trình
22	1.009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Cấp Xã	Toàn trình

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
23	1.009451	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
24	1.009450	Công bố đóng khu neo đậu	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
25	1.009449	Công bố hoạt động khu neo đậu	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
26	1.009448	Thiết lập khu neo đậu	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
27	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
28	1.009446	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
29	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
30	1.009443	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
31	1.009442	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
32	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
33	2.002001	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	Cấp Tỉnh	Toàn trình
34	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Toàn trình
35	1.004850	cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải	Cấp Bộ	Một phần
36	1.004828	cấp Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải	Cấp Bộ	Toàn trình
37	1.004425	Cấp Giấy phép vận tải nội địa cho tàu nước ngoài	Cấp Bộ	Toàn trình
38	2.001802	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển	Cấp Tỉnh	Toàn trình
39	1.004323	Tàu biển Việt Nam đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam mà không chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc không có hành khách, thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Cấp Bộ	Toàn trình
40	1.004291	Công bố thông báo hàng hải về thiết lập mới báo hiệu hàng hải	Cấp Bộ	Toàn trình
41	1.004284	Công bố mở cảng cạn và công bố mở cảng cạn đối với điểm thông quan hàng hóa đã có chủ trương chuyển thành cảng cạn	Cấp Bộ	Toàn trình
42	1.004276	Phê duyệt phương án bảo đảm an toàn hàng hải	Cấp Bộ	Một phần
43	1.004261	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	Cấp Tỉnh	Toàn trình
44	1.004259	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới	Cấp Tỉnh	Toàn trình
45	1.004242	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
46	1.004239	Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
47	1.004166	Công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi	Cấp Bộ	Toàn trình
48	1.004162	Công bố đưa luồng hàng hải vào sử dụng đối với trường hợp luồng hàng hải công bố sau thời điểm công bố mở cảng biển hoặc luồng hàng hải được đầu tư mới, công bố lại do điều chỉnh, mở rộng, nâng cấp	Cấp Bộ	Toàn trình
49	1.004157	Công bố mở bến cảng, cầu cảng, bến phao và các khu nước, vùng nước hoặc đưa bến cảng, cầu cảng vào khai thác tạm	Cấp Bộ	Toàn trình
50	1.004137	Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Cấp Bộ	Một phần
51	1.004123	Chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải	Cấp Bộ	Toàn trình
52	1.004110	Công bố thông báo hàng hải về việc thay đổi đặc tính, tạm ngừng, phục hồi, chấm dứt hoạt động của báo hiệu hàng hải	Cấp Bộ	Toàn trình
53	1.004106	Thủ tục công bố thông báo hàng hải định kỳ về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước	Cấp Bộ	Toàn trình
54	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
55	1.004077	Công bố thông báo hàng hải lần đầu về các thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, vùng nước trước cầu cảng và các khu nước, vùng nước sau khi xây dựng, nạo vét duy tu, cải tạo, nâng cấp	Cấp Bộ	Toàn trình
56	1.004058	Công bố thông báo hàng hải về khu vực thi công công trình trên biển hoặc trên luồng hàng hải	Cấp Bộ	Toàn trình

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
57	1.004053	Chấp thuận tiến hành các hoạt động trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa	Cấp Bộ	Toàn trình
58	1.004050	Đến cảng biển đối với tàu thuyền nước ngoài có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân hoặc tàu vận chuyển chất phóng xạ	Cấp Bộ	Toàn trình
59	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
60	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
61	2.001719	Đến cảng biển đối với tàu thuyền nước ngoài thực hiện các hoạt động về nghiên cứu khoa học, nghề cá, cứu hộ, trục vớt tài sản chìm đắm, lai dắt hỗ trợ trong vùng nước cảng biển, huấn luyện, văn hóa, thể thao, lắp đặt, xây dựng công trình biển, công trình ngầm, phục vụ khảo sát, thăm dò, khai thác tài nguyên, dịch vụ sửa chữa, đóng mới và các hoạt động về môi trường trong vùng biển Việt Nam	Cấp Bộ	Toàn trình
62	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
63	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
64	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
65	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
66	2.001659	Xóa đăng ký phương tiện	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
67	1.003878	Tàu thuyền có trọng tải từ 200 tấn trở xuống, mang cờ quốc tịch của quốc gia có chung đường biên giới với Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh tại khu vực biên giới của Việt Nam và quốc gia đó	Cấp Bộ	Một phần
68	2.001580	Tàu biển đang đóng hoặc sửa chữa, hoán cải chạy thử	Cấp Bộ	Toàn trình
69	1.003658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Cấp Xã	Toàn trình
70	1.003640	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia	Cấp Tỉnh	Một phần
71	1.003614	Cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	Cấp Bộ	Toàn trình
72	1.003592	Cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa đối với phương tiện, thủy phi cơ	Cấp Bộ	Toàn trình
73	1.003570	Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
74	1.003265	Chấp thuận việc thực hiện sửa chữa, vệ sinh tàu thuyền hoặc thực hiện các hoạt động hàng hải khác trong vùng nước cảng biển nếu có ảnh hưởng đến phương án phòng, chống cháy, nổ	Cấp Bộ	Toàn trình
75	1.003135	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Toàn trình
76	2.001219	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	Cấp Tỉnh	Toàn trình
77	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Cấp Xã	Toàn trình

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
78	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Cấp Xã	Toàn trình
79	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Cấp Xã	Toàn trình
80	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Cấp Xã	Toàn trình
81	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Cấp Xã	Toàn trình
82	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Cấp Xã	Toàn trình
83	1.002788	Đăng ký và cấp Sổ thuyền viên	Cấp Bộ	Toàn trình
84	1.002787	Cấp lại Sổ thuyền viên	Cấp Bộ	Toàn trình
85	1.002771	Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
86	1.002687	Đăng ký tàu biển không thời hạn	Cấp Bộ	Toàn trình
87	1.002674	Đăng ký tàu biển có thời hạn	Cấp Bộ	Toàn trình
88	1.002656	Cấp Giấy phép tạm thời cho tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam	Cấp Bộ	Toàn trình
89	1.002645	Đăng ký tàu biển tạm thời	Cấp Bộ	Toàn trình
90	1.002582	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển	Cấp Bộ	Toàn trình
91	1.002578	Đăng ký tàu biển đang đóng	Cấp Bộ	Toàn trình
92	1.002550	Đăng ký tàu biển loại nhỏ	Cấp Bộ	Toàn trình
93	1.002508	Xóa đăng ký	Cấp Bộ	Toàn trình

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
94	1.002490	Giao tuyến dẫn tàu	Cấp Bộ	Toàn trình
95	1.002472	Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thủy thủ trực ca, thợ máy trực ca, thợ kỹ thuật điện; Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cho thuyền viên Việt Nam đã có Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp	Cấp Bộ	Toàn trình
96	1.002460	Cấp Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn	Cấp Bộ	Toàn trình
97	1.002448	Cấp Giấy xác nhận việc cấp Giấy chứng nhận	Cấp Bộ	Toàn trình
98	1.002441	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính	Cấp Bộ	Toàn trình
99	1.002420	Cấp lại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy xác nhận việc cấp Giấy Chứng nhận, Giấy công nhận Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính	Cấp Bộ	Toàn trình
100	1.002408	Mở khóa đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ và cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn sỹ quan, thuyền trưởng, máy trưởng	Cấp Bộ	Toàn trình
101	1.002372	Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	Cấp Bộ; Cấp Xã	Toàn trình
102	1.002345	Cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải	Cấp Bộ	Toàn trình
103	1.002228	Thỏa thuận việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cảng biển tạm thời	Cấp Bộ	Toàn trình
104	1.001899	Cho ý kiến đối với dự án xây dựng công trình trong vùng nước cảng biển và các công trình khác xây dựng trong vùng nước cảng biển	Cấp Bộ	Toàn trình
105	1.001889	Thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết cảng biển, bến cảng, cầu cảng, luồng hàng hải	Cấp Bộ	Toàn trình
106	2.000795	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo	Cấp Tỉnh	Toàn trình

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
107	1.001223	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải	Cấp Tỉnh	Toàn trình
108	1.001099	Cấp Giấy chứng nhận phù hợp của cảng biển	Cấp Bộ	TTHC cung cấp thông tin
109	1.001084	Thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển	Cấp Bộ	TTHC cung cấp thông tin
110	2.000519	Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp của cảng biển	Cấp Bộ	TTHC cung cấp thông tin
111	1.000563	Cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với thiệt hại ô nhiễm dầu (CLC 1992)	Cấp Bộ	Toàn trình
112	1.000469	Cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu 2001 (BCC)	Cấp Bộ	Toàn trình
113	1.000344	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
114	1.000289	Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải	Cấp Bộ	Toàn trình
115	1.000279	Cấp Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải đối với hoa tiêu hàng hải chuyển vùng hoạt động; hoa tiêu hàng hải dẫn tàu trên tuyến mới trong vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải	Cấp Bộ	Toàn trình
116	1.000274	Đăng ký nội dung thay đổi thông tin ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển	Cấp Bộ	Toàn trình
117	1.000267	Cấp Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải Phần I	Cấp Bộ	Toàn trình
118	1.013335	Bổ sung hồ sơ đăng ký chứng nhận xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới sản xuất, lắp ráp đã được cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường	Cấp Bộ	Một phần

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
119	1.013334	Cấp mở rộng Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới sản xuất, lắp ráp	Cấp Bộ	Một phần
120	1.013333	Cấp lại Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới sản xuất, lắp ráp	Cấp Bộ	Một phần
121	1.013332	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới sản xuất, lắp ráp	Cấp Bộ	Một phần
122	1.013331	Cấp lại Chứng chỉ chất lượng phụ tùng xe cơ giới trong trường hợp Chứng chỉ chất lượng hết hiệu lực hoặc thay đổi nội dung thông tin về tên, địa chỉ liên quan đến người nhập khẩu trên chứng chỉ chất lượng	Cấp Bộ	Một phần
123	1.013329	Cấp đổi Chứng chỉ chất lượng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới	Cấp Bộ	Một phần
124	1.013330	Cấp lại Chứng chỉ chất lượng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong trường hợp bị mất	Cấp Bộ	Một phần
125	1.013328	Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phụ tùng xe cơ giới	Cấp Bộ	Một phần
126	1.013327	Chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng	Cấp Bộ	Một phần
127	1.013206	Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo	Cơ quan khác	Một phần
128	1.013205	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng	Cơ quan khác	Một phần
129	1.013110	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Cấp Tỉnh	Một phần

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
130	1.013105	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Cấp Tỉnh	Một phần
131	1.013097	Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo	Cơ quan khác	Một phần
132	1.013101	Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Cơ quan khác	Một phần
133	1.013092	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng	Cơ quan khác	Một phần
134	1.013089	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu	Cơ quan khác	Một phần
135	1.013071	Cấp lại Chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
136	1.013070	Cấp lại Chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe máy chuyên dùng, chứng nhận	Cấp Bộ	Một phần
137	1.013069	Cấp mới Chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe máy chuyên dùng, chứng nhận	Cấp Bộ	Một phần
138	1.005103	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy)	Cơ quan khác	Một phần
139	1.004990	Cấp Giấy chứng nhận, tem kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt	Cấp Bộ	Toàn trình
140	1.004424	Công nhận đăng kiểm viên (lần đầu) phương tiện thủy nội địa	Cấp Bộ	Một phần
141	1.004296	Cấp Giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển theo Bộ luật Quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển(Bộ luật ISPS)	Cấp Bộ	Một phần

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
142	1.004281	Phê duyệt kế hoạch an ninh tàu biển theo Bộ luật Quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (Bộ Luật ISPS)	Cấp Bộ	Một phần
143	1.004268	Cấp Giấy chứng nhận Lao động hàng hải tạm thời	Cấp Bộ	Một phần
144	1.001322	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Cấp Tỉnh	Một phần
145	1.001319	Cấp mới Chứng chỉ đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn kiểm định xe cơ giới, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
146	1.001296	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	Cấp Tỉnh	Một phần
147	1.000300	Cấp Giấy chứng nhận thợ hàn	Cấp Bộ	Một phần
148	1.000256	Phê duyệt Bản công bố phù hợp Lao động hàng hải phần II và cấp Giấy chứng nhận Lao động hàng hải	Cấp Bộ	Một phần
149	2.000082	Cấp văn bản ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm nước ngoài kiểm định, phân cấp và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật về an toàn hàng hải, an ninh tàu biển, điều kiện bảo đảm lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho tàu biển Việt Nam	Cấp Bộ	Toàn trình
150	1.000017	Cấp lại Giấy chứng nhận, tem kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt	Cấp Bộ	Toàn trình
151	1.000010	Đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở thử nghiệm, cung cấp dịch vụ kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo liên quan đến chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường tàu biển	Cấp Bộ	Một phần
152	1.009439	Phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác công trình	Cấp Bộ	Một phần
153	1.009437	Thủ tục phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo, mở rộng cảng hàng không, sân bay hiện có	Cấp Bộ	Một phần

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
154	1.005193	Thủ tục sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA	Cấp Bộ	Một phần
155	1.004986	Sửa đổi Giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO)	Cấp Bộ	Một phần
156	1.004716	Cấp giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay	Cấp Bộ	Một phần
157	1.004713	Phê duyệt sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay	Cấp Bộ	Một phần
158	1.004711	Chấp thuận phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường đối với hoạt động xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay	Cấp Bộ	Toàn trình
159	1.004709	Đưa công trình, một phần công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay vào khai thác	Cấp Bộ	Một phần
160	1.004480	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam	Cấp Bộ	Toàn trình
161	1.004465	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, Văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam	Cấp Bộ	Toàn trình
162	1.004419	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp Việt Nam	Cấp Bộ	Toàn trình
163	1.004418	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp cho doanh nghiệp giao nhận nước ngoài	Cấp Bộ	Toàn trình
164	1.004417	Thủ tục phê chuẩn tổ chức chế tạo sản phẩm, phụ tùng, thiết bị tàu bay	Cấp Bộ	Một phần
165	1.004416	Thủ tục phê chuẩn Giấy chứng nhận tổ chức thiết kế sản phẩm, phụ tùng, thiết bị tàu bay	Cấp Bộ	Một phần

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
166	1.004415	Phê chuẩn sửa đổi, bổ sung tài liệu hướng dẫn khai thác, bảo dưỡng của người khai thác tàu bay	Cấp Bộ	Một phần
167	1.004414	Thủ tục Phê chuẩn việc sử dụng thiết bị huấn luyện bay mô phỏng (SIM)	Cấp Bộ	Một phần
168	1.004413	Cấp Giấy chứng nhận thành viên tổ bay	Cấp Bộ	Toàn trình
169	1.004412	Cấp Giấy phép và năng định cho nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS)	Cấp Bộ	Một phần
170	1.004411	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay xuất khẩu	Cấp Bộ	Một phần
171	1.004408	Thủ tục cấp, công nhận Giấy chứng nhận loại	Cấp Bộ	Một phần
172	1.004380	Gia hạn năng định cho nhân viên bảo dưỡng tàu bay (AMT)/nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS)	Cấp Bộ	Một phần
173	1.004372	Cấp lại Giấy phép và năng định cho nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS)	Cấp Bộ	Toàn trình
174	1.004362	Thủ tục cấp, gia hạn, công nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay	Cấp Bộ	Một phần
175	1.004317	Cấp Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay (AOC)	Cấp Bộ	Một phần
176	1.004306	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay	Cấp Bộ	Một phần
177	1.004289	Cấp Giấy phép, năng định cho người lái tàu bay	Cấp Bộ	Một phần
178	1.004286	Cấp lại Giấy phép, năng định cho người lái tàu bay	Cấp Bộ	Một phần
179	1.004270	Gia hạn năng định cho người lái tàu bay	Cấp Bộ	Một phần
180	1.003917	Cấp Giấy phép, năng định cho nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay (AMT)	Cấp Bộ	Một phần

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
181	1.003894	Cấp lại Giấy phép, năng định cho nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay (AMT)	Cấp Bộ	Toàn trình
182	1.003850	Cấp giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO)	Cấp Bộ	Một phần
183	1.003818	Thủ tục Gia hạn Giấy chứng nhận phê chuẩn Tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO)	Cấp Bộ	Một phần
184	1.003747	Thủ tục đăng ký tàu bay mang quốc tịch Việt Nam	Cấp Bộ	Một phần
185	1.003708	Thủ tục đăng ký tạm thời tàu bay mang quốc tịch Việt Nam	Cấp Bộ	Một phần
186	1.003663	Thủ tục xóa đăng ký quốc tịch tàu bay	Cấp Bộ	Một phần
187	1.003555	Thủ tục cung cấp thông tin đăng ký trong Sổ đăng bạ tàu bay	Cấp Bộ	Một phần
188	1.003551	Gia hạn, sửa đổi Giấy chứng nhận Tổ chức thiết kế sản phẩm, thiết bị, phụ tùng tàu bay	Cấp Bộ	Một phần
189	1.003541	Thủ tục đăng ký quyền sở hữu tàu bay	Cấp Bộ	Một phần
190	1.003538	Gia hạn, sửa đổi Giấy chứng nhận Tổ chức chế tạo sản phẩm, thiết bị, phụ tùng tàu bay	Cấp Bộ	Một phần
191	1.003528	Thủ tục đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay	Cấp Bộ	Toàn trình
192	1.003509	Thủ tục xóa đăng ký quyền chiếm hữu tàu bay	Cấp Bộ	Một phần
193	1.003492	Thủ tục đăng ký quyền ưu tiên thanh toán tiền công cứu hộ, giữ gìn tàu bay	Cấp Bộ	Một phần
194	1.003406	Thủ tục xóa đăng ký quyền sở hữu tàu bay	Cấp Bộ	Một phần
195	1.003405	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký các quyền đối với tàu bay	Cấp Bộ	Một phần
196	1.003402	Thủ tục cấp mã số AEP	Cấp Bộ	Một phần

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
197	1.003398	Thủ tục đăng ký văn bản IDERA	Cấp Bộ	Một phần
198	1.003393	Thủ tục xóa đăng ký văn bản IDERA	Cấp Bộ	Một phần
199	1.003389	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay	Cấp Bộ	Toàn trình
200	1.002903	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại	Cấp Bộ	Một phần
201	1.002899	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại	Cấp Bộ	Một phần
202	1.002894	Phê duyệt Hợp đồng hợp tác liên quan trực tiếp đến quyền vận chuyển hàng không	Cấp Bộ	Toàn trình
203	1.002866	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay	Cấp Bộ	Toàn trình
204	1.002523	Cấp quyền vận chuyển hàng không	Cấp Bộ	Toàn trình
205	1.002511	Chấp thuận việc thuê, cho thuê tàu bay giữa tổ chức cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài	Cấp Bộ	Một phần
206	2.001037	Đăng ký Điều lệ vận chuyển của hãng hàng không Việt Nam	Cấp Bộ	Toàn trình
207	1.001388	Cấp phép bay đi, đến cho các chuyến bay thực hiện hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam	Cấp Bộ	Toàn trình
208	1.001381	Cấp phép bay quá cảnh cho các chuyến bay thực hiện hoạt động bay dân dụng tại Việt Nam	Cấp Bộ	Toàn trình
209	1.000597	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (trừ lĩnh vực đào tạo nhân viên an ninh hàng không)	Cấp Bộ	Một phần
210	1.000574	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (trừ lĩnh vực đào tạo nhân viên an ninh hàng không)	Cấp Bộ	Một phần

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
211	1.000465	Cấp lại Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay (trừ cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không)	Cấp Bộ	Một phần
212	1.000452	Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay (trừ cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không)	Cấp Bộ	Một phần
213	1.000423	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung	Cấp Bộ	Một phần
214	1.000312	Cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không, Giấy phép kinh doanh hàng không chung	Cấp Bộ	Một phần
215	1.000283	Thủ tục cấp Giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay	Cấp Bộ	Toàn trình
216	1.000271	Thủ tục cấp lại Giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay	Cấp Bộ	Toàn trình
217	2.000102	Thủ tục cấp Giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (ANS)	Cấp Bộ	Một phần
218	1.000254	Thủ tục cấp lại Giấy phép khai thác cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (ANS)	Cấp Bộ	Toàn trình
219	1.000246	Cấp giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay	Cấp Bộ	Một phần
220	1.000239	Cấp lại giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay	Cấp Bộ	Một phần
221	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
222	1.013261	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
223	1.013260	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
224	1.013259	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
225	1.013277	Chấp thuận đấu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	Cấp Tỉnh	Một phần
226	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
227	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	Cấp Tỉnh	Toàn trình
228	1.010704	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN	Cấp Tỉnh	Toàn trình
229	1.010702	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN	Cấp Tỉnh	Toàn trình
230	2.002287	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	Cấp Tỉnh	Toàn trình
231	2.002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	Cấp Tỉnh	Toàn trình
232	2.002288	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	Cấp Tỉnh	Toàn trình
233	2.002285	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	Cấp Tỉnh	Toàn trình
234	1.005210	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	Cấp Tỉnh	Toàn trình

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
235	1.005021	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô	Cấp Tỉnh	Một phần
236	1.004993	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Cấp Tỉnh	Toàn trình
237	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
238	1.002877	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Cấp Tỉnh	Toàn trình
239	1.002861	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	Cấp Tỉnh	Toàn trình
240	1.002856	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Cấp Tỉnh	Toàn trình
241	1.002847	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào	Cấp Tỉnh	Toàn trình
242	1.002829	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS	Cấp Tỉnh	Toàn trình
243	1.002817	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD	Cấp Tỉnh	Toàn trình
244	1.002798	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
245	2.001034	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	Cấp Tỉnh	Toàn trình
246	1.002381	Giới thiệu đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Việt Nam	Cấp Tỉnh	Toàn trình

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
247	1.002374	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc	Cấp Tỉnh	Toàn trình
248	1.002357	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
249	1.002334	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	Cấp Tỉnh	Toàn trình
250	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	Cấp Tỉnh	Toàn trình
251	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Cấp Tỉnh	Toàn trình
252	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	Cấp Tỉnh	Toàn trình
253	1.002046	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	Cấp Tỉnh	Toàn trình
254	1.001777	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	Cấp Tỉnh	Một phần
255	1.001765	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Cấp Tỉnh	Một phần
256	1.001751	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	Cấp Tỉnh	Một phần
257	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	Cấp Tỉnh	Toàn trình
258	2.000769	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở bồi dưỡng đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động)	Cấp Tỉnh	Toàn trình
259	1.001623	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	Cấp Tỉnh	Một phần
260	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	Cấp Tỉnh	Toàn trình

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
261	1.001061	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
262	1.001046	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
263	1.001023	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	Cấp Tỉnh	Toàn trình
264	1.000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	Cấp Tỉnh	Toàn trình
265	1.000672	Công bố lại bến xe khách	Cấp Tỉnh	Một phần
266	1.000660	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	Cấp Tỉnh	Một phần
267	1.000321	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia	Cấp Tỉnh	Toàn trình
268	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
269	1.000302	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia	Cấp Tỉnh	Toàn trình
270	1.000028	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	Cấp Tỉnh	Toàn trình
271	1.013276	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
272	1.115014	Chia sẻ phần giảm doanh thu	Cấp bộ, Cấp tỉnh	Một phần
273	1.115015	Thanh toán chi phí bồi thường, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn	Cấp bộ, Cấp tỉnh	Một phần

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
274	1.010000	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
275	1.009479	Xét cấp giấy phép lái tàu	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
276	1.005134	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu, dùng chung với đường sắt	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
277	1.005126	Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
278	1.005123	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu, dùng chung với đường sắt	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
279	1.005071	Sát hạch cấp giấy phép lái tàu	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
280	1.005058	Gia hạn Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
281	1.004844	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
282	1.004685	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
283	1.004681	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
284	1.003897	Cấp lại Giấy phép lái tàu	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
285	1.000294	Bãi bỏ đường ngang	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
286	3.000508	Thủ tục điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội	Cấp Tỉnh	Toàn trình
287	3.000506	Thủ tục giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương	Cấp Tỉnh	Toàn trình
288	3.000507	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý tương đương	Cấp Tỉnh	Toàn trình
289	1.013769	chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công	Cấp Tỉnh	Toàn trình
290	1.013777	Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản	Cấp Tỉnh	Một phần
291	1.014632	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	Cấp Xã	Một phần
292	1.012910	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc gần hết hạn)	Cấp Tỉnh	Một phần
293	1.012907	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ bị cháy, bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác)	Cấp Tỉnh	Toàn trình
294	1.012906	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.	Cấp Tỉnh	Một phần
295	1.012905	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	Cấp Tỉnh	Một phần

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
296	1.012903	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở	Cấp Tỉnh	Một phần
297	1.012902	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn)	Cấp Tỉnh	Toàn trình
298	1.012901	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng)	Cấp Tỉnh	Toàn trình
299	1.012900	Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản	Cấp Tỉnh	Toàn trình
300	1.012899	Đăng ký cấp quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng	Cấp Bộ	Toàn trình
301	1.012898	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình
302	1.012897	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
303	1.012895	Thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân	Cấp Tỉnh	Một phần
304	1.012894	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	Cấp Tỉnh	Một phần
305	1.012892	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	Cấp Tỉnh	Toàn trình
306	1.012891	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	Cấp Tỉnh	Toàn trình
307	1.012888	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	Cấp Xã	Toàn trình

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
308	1.012887	Đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023	Cấp Tỉnh	Toàn trình
309	1.012896	Cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công	Cấp Tỉnh	Một phần
310	1.012893	Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
311	1.012890	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài	Cấp Tỉnh	Toàn trình
312	1.012889	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền của Bộ, ngành cơ quan Trung ương	Cấp Bộ	Toàn trình
313	1.012886	Điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	Cấp Tỉnh	Toàn trình
314	1.012885	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	Cấp Tỉnh	Một phần
315	1.012883	Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	Cấp Tỉnh	Toàn trình
316	1.012882	Thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của các tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở	Cấp Tỉnh	Toàn trình
317	1.007765	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	Cấp Tỉnh	Toàn trình
318	1.013237	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Cấp Tỉnh	Một phần
319	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
320	1.013238	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Cấp Tỉnh	Một phần
321	1.013236	Cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Cấp Tỉnh	Một phần
322	1.013235	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án)	Cấp Tỉnh	Một phần
323	1.013233	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Cấp Tỉnh	Một phần
324	1.013232	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
325	1.013231	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Cấp Tỉnh	Một phần

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
326	1.013230	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	Cấp Tỉnh	Một phần
327	1.013229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
328	1.013228	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
329	1.013226	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
330	1.013225	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
331	1.013224	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài..	Cấp Tỉnh	Một phần
332	1.013222	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài..	Cấp Tỉnh	Một phần

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
333	1.013219	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Một phần
334	1.013227	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
335	1.013217	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Cấp Tỉnh; Cơ quan khác	Một phần
336	1.013216	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
337	1.011674	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng tại các cơ quan ở trung ương thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng	Cấp Bộ	Toàn trình
338	1.011675	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	Cấp Tỉnh	Toàn trình
339	1.009794	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
340	1.009793	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Cấp Bộ	Một phần
341	1.009791	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
342	2.001116	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	Cấp Tỉnh	Toàn trình

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
343	1.002650	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
344	1.002636	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
345	1.002613	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
346	1.002589	Cấp chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
347	1.002551	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Toàn trình
348	2.001041	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng tại các cơ quan ở trung ương thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng	Cấp Bộ	Toàn trình
349	1.014157	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
350	1.014159	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Toàn trình

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
351	1.014158	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Toàn trình
352	1.014156	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Toàn trình
353	1.014155	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Một phần
354	2.002623	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét luồng hàng hải, đường thủy nội địa quốc gia	Cấp Bộ	Toàn trình
355	3.000188	Chấp thuận hoạt động khảo sát, thăm dò, xây dựng công trình, thiết lập vành đai an toàn của công trình hoặc các hoạt động khác trên tuyến hàng hải trong lãnh hải Việt Nam	Cấp Bộ	Toàn trình
356	1.009436	Thủ tục chuyển cảng hàng không nội địa thành cảng hàng không quốc tế	Cấp Bộ	Một phần
357	1.004682	Cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không	Cấp Bộ	Toàn trình
358	1.004674	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không	Cấp Bộ	Một phần
359	1.002693	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Một phần
360	1.014913	Kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhóm 2 nhập khẩu	Cấp Tỉnh	Một phần
361	1.014783	Cấp giấy phép lưu thông vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy	Cấp Tỉnh	Một phần
362	1.115407	Kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu có mức độ rủi ro cao	Cấp tỉnh	Toàn trình

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
363	1.005032	Gia hạn thời hạn giấy phép cho lực lượng, phương tiện nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam	Cấp Bộ	Toàn trình
364	1.005027	Đề nghị cấp giấy phép cho lực lượng, phương tiện nước ngoài vào tìm kiếm, cứu nạn tại Việt Nam	Cấp Bộ	Toàn trình
365	1.009441	Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia xuất cảnh rời cảng thủy nội địa Việt Nam	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
366	1.00944	Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh	Một phần
367	1.004332	Tàu biển rời cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Cấp Bộ	Toàn trình
368	1.004312	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài vào cảng và tàu biển nước ngoài đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam	Cấp Bộ	Toàn trình
369	1.004304	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh hoặc có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam có chở hàng nhập khẩu, hàng quá cảnh có hành khách hoặc thuyền viên mang quốc tịch nước ngoài	Cấp Bộ	Toàn trình
370	1.004028	Tàu biển nhập cảnh	Cấp Bộ	Toàn trình
371	1.004004	Tàu biển xuất cảnh	Cấp Bộ	Toàn trình
372	1.003978	Tàu biển nhập cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Cấp Bộ	Toàn trình
373	1.003934	Tàu biển xuất cảnh tại cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Cấp Bộ	Toàn trình

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện	Mức độ cung cấp DVCTT
374	2.001655	Tàu biển quá cảnh	Cấp Bộ	Toàn trình
375	1.003829	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa vào cảng biển và tàu biển Việt Nam đã nhập cảnh sau đó vào cảng biển khác của Việt Nam (bao gồm cả tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động, thủy phi cơ, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB và các phương tiện thủy khác không quy định tại các khoản 2, 3 Điều 72 Nghị định 58/2017/NĐ-CP)	Cấp Bộ	Toàn trình
376	1.003785	Tàu biển hoạt động tuyến nội địa rời cảng biển và tàu biển đã nhập cảnh sau đó rời cảng để đến cảng biển khác của Việt Nam (bao gồm cả tàu quân sự, tàu công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn di động, thủy phi cơ, phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB và các phương tiện thủy khác không quy định tại các khoản 2, 3 Điều 72 Nghị định 58/2017/NĐ-CP)	Cấp Bộ	Toàn trình
377	1.002349	Tàu biển vào cảng dầu khí ngoài khơi và hoạt động trong vùng biển Việt Nam	Cấp Bộ	Toàn trình
378	1.011874	Cấp lại Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường linh kiện nhập khẩu (theo Nghị định số 60/2023/NĐ-CP)	Cấp Bộ	Một phần
379	1.011872	Cấp Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường linh kiện nhập khẩu (theo Nghị định số 60/2023/NĐ-CP)	Cấp Bộ	Một phần
380	1.011873	Cấp lại Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (theo Nghị định số 60/2023/NĐ-CP)	Cấp Bộ	Một phần
381	1.011871	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (theo Nghị định số 60/2023/NĐ-CP)	Cấp Bộ	Một phần

** Danh sách thủ tục hành chính được cập nhật thường xuyên theo công bố của Bộ Xây dựng trên Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính quốc gia.*

Phụ lục II
PHƯƠNG ÁN DỰ PHÒNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ
(Kèm theo Văn bản số /BXD-TTCNTT ngày tháng năm 2026 của
Bộ Xây dựng)

1. Mục đích, yêu cầu

Phương án dự phòng, ứng phó sự cố (sau đây gọi là Phương án) được xây dựng nhằm mục đích hướng dẫn các đơn vị trong việc phối hợp triển khai các biện pháp kỹ khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ Xây dựng gặp sự cố, bắt buộc phải chuyển tiếp nhận, xử lý hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính về Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các địa phương.

2. Điều kiện kích hoạt

- Phương án được kích hoạt khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ Xây dựng gặp sự cố nghiêm trọng, dừng hệ thống dẫn đến không tiếp nhận, xử lý được hồ sơ thủ tục hành chính trên hệ thống mà không thể khôi phục, xử lý trong vòng 48 giờ.

- Phương án được triển khai khi đầu mối của Bộ Xây dựng (Trung tâm Công nghệ thông tin) có văn bản gửi các đơn vị và gửi thông báo qua các nhóm hỗ trợ trên Zalo đã thiết lập với từng địa phương.

3. Cách thức thực hiện

- Bước 1: Trung tâm Công nghệ thông tin có văn bản gửi các đơn vị và gửi thông báo qua các nhóm hỗ trợ trên Zalo đã thiết lập với từng địa phương.

- Bước 2: Đầu mối vận hành Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của địa phương cấu hình tiếp nhận hồ sơ trực tiếp trên hệ thống; thông báo tới các đơn vị giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn.

- Bước 3: Đầu mối quản trị Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính quốc gia (trên Cổng Dịch vụ công quốc gia của Bộ Công an) của địa phương thực hiện sửa cấu hình đường dẫn điều hướng khai báo dịch vụ công trực tuyến về hệ thống của địa phương. Trung tâm Công nghệ thông tin sẽ phối hợp với các địa phương thực hiện nội dung này.

Sau khi Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ Xây dựng khắc phục xong sự cố, Trung tâm Công nghệ thông tin có văn bản thông báo gửi các địa phương; thực hiện cấu hình lại đường dẫn điều hướng khai báo dịch vụ công trực tuyến trên Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính quốc gia về hệ thống của Bộ. Các tỉnh, thành phố phối hợp ngắt cấu hình tiếp nhận hồ sơ trực tiếp trên hệ thống của địa phương.

4. Đầu mối triển khai

Bộ Xây dựng giao Trung tâm Công nghệ thông tin là đầu mối trong việc triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ; phối hợp với các địa phương trong việc triển khai Phương án này.

Chi tiết liên hệ: Ông Nguyễn Song Hào, Phó Trưởng phòng CSDL&PM - Trung tâm Công nghệ thông tin, SĐT: 0978227306, Email: haons@moc.gov.vn